TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Sơ quát về lý Duyên khởi qua Duy thức học

ISSN: 2734-9195 16:46 24/10/2026

Đó gọi là chết. Chết này cùng già đã nói trước, gọi chung là già chết. Đó là thuyết nghĩa duyên khởi." Phật nói kinh này xong, các Tỳ kheo nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Có thể khái lược định nghĩa Lý Duyên Khởi, hay có thể được gọi đầy đủ là Lý Nhân Duyên Quả Báo Sinh Khởi, là nguyên lý về các Nhân và các Duyên khởi sinh ra tất cả các dạng loại thành quả, kết quả.

Các thành quả này bao gồm trọn vẹn tất cả vạn pháp nơi đất trời, vũ trụ, nhân sinh cũng là bao gồm tất cả các sự thể, các vật thể, các hiện tượng hiển bày nơi thế giới tự nhiên và cả nơi các khía cạnh tâm lý từ thô tháo cho đến vi tế nơi cảnh giới nhân sinh, và có dính dấp mật thiết đến chất lượng của đời sống của vạn loài sinh vật cùng sự xoay vần theo vòng luân hồi bất tận của các đời sống này…; trong đó, Nhân được xem là căn nguồn phát sinh, phát khởi; còn Duyên được xem là bao gồm tất cả các yếu tố, các điều kiện cần phải có đầy đủ để hỗ trợ, hình thành nên sự phát khởi, phát sinh ấy để chung cuộc có ra các kết quả tựu thành.

Ý nghĩa của hai chữ Nhân Duyên có sức bao hàm rất rộng lớn và cũng là cực kỳ quan trọng vì theo Phật Đạo, hai chữ này có liên quan mật thiết đến sự tạo thành sinh khởi ra các quả báo mạng căn, sinh mệnh, thọ mệnh và phẩm chất đời sống của tất cả chủng loại chúng sinh (trong đó có con người) trong thế giới sinh hoạt hàng ngày nói riêng và vũ trụ vạn hữu nói chung.

Các quả báo này cũng bày hiện ra tất cả các cảnh vật, muôn sự vật, muôn sự thể ở bên ngoài; và cả các trạng thái thiên biến vạn hóa của tâm thức ở bên trong.

Qua lăng kính Phật đạo, giữa tất cả các sự, các vật này luôn có mối tương quan nhân quả rất mật thiết, khắn khít với nhau vì chúng làm nhân, làm duyên rồi đơm hoa, kết trái cho nhau, cùng nhau sinh khởi, tạo tác để rồi hình thành nên bản chất của đời sống trải dài bất tận từ vô lượng kiếp đời quá khứ cho đến tận ngày nay và lại còn có thể lại tiếp tục nối dài đến vô lượng kiếp đời vị lai, không

cùng tận.

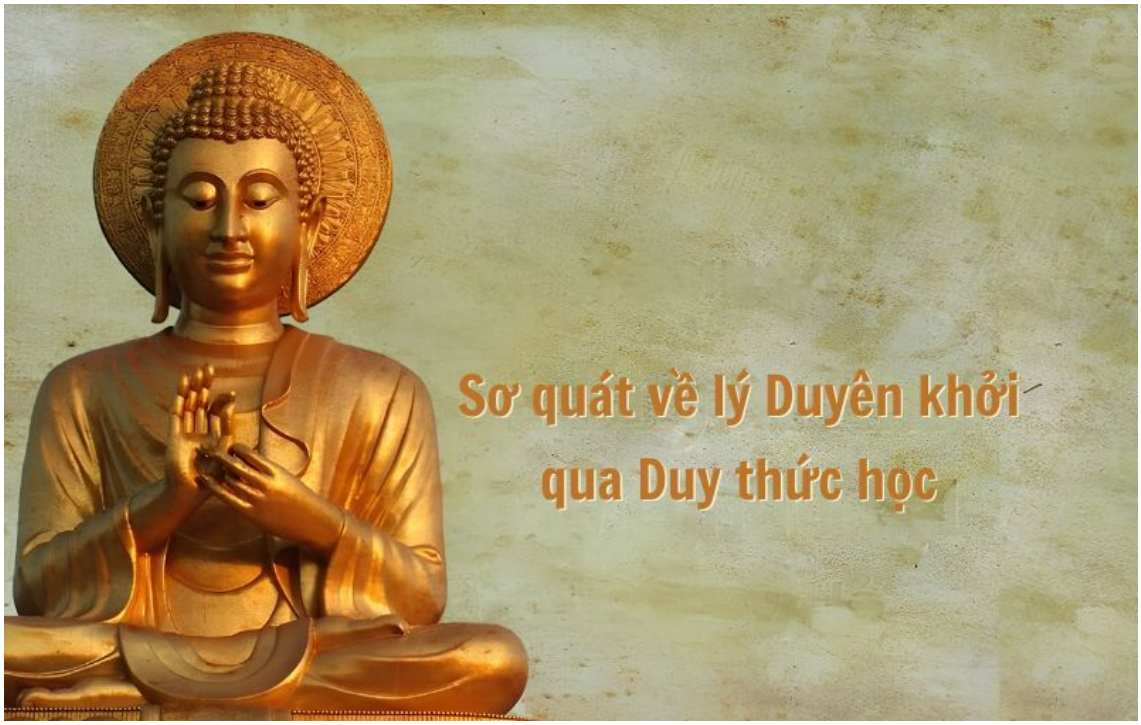

Hình minh họa. Nguồn: Internet

Trong kinh Lăng Già (Dịch giả Phạn – Hán: Pháp sư Tam Tạng Ấn Độ Cầu Na Bạt Đà La (394-468), dịch giả Hán- Việt: Hòa Thượng Thích Duy Lực (1923-2000), phẩm Nhất Thiết Phật Ngữ Tâm, để trả lời câu hỏi của Bồ Tát Đại Huệ về tướng nhân duyên của tất cả các pháp, đức Phật đã khai thị về 2 tướng Duyên và 6 tướng Nhân như sau: "*Tất cả pháp có hai thứ duyên tướng, là ngoại duyên và nội duyên. Ngoại Duyên là: Cục đất, cây cọc, bánh xe, sợi dây, nước, gỗ, nhân công, các thứ phương tiện làm duyên, sinh ra cái bình như bình đất, còn các thứ tơ, lụa, lát chiếu, giống mầm, tô lạc v.v... do ngoại duyên phương tiện sinh ra cũng như thế. Ấy gọi là tướng ngoại Duyên. Thế nào là Nội Duyên? Vì có vô minh ái nghiệp các pháp hòa hợp gọi là năng duyên, từ đó sinh khởi các pháp ấm, giới, nhập, gọi là sở duyên. Các pháp do tự tâm sở hiện vốn chẳng sai biệt, mà phàm phu vọng chấp, thành có sai biệt, ấy gọi là pháp Nội Duyên. Đại Huệ! Nói về nhân gồm có sáu thứ, ấy là: Đương hữu nhân, Tương tục nhân, Tướng nhân, Tác nhân, Hiển thị nhân, Đối đãi nhân. Đương hữu nhân: Vì thức thứ tám từ vô thỉ đến nay hay làm nhân cho tất cả pháp, từ nhân sinh quả, bất khả tư nghì, đương lúc đó làm nhân, nên gọi là Đương hữu nhân. Tương Tục nhân: Vì bên trong nương thức thứ tám và thức thứ sáu, phan duyên ngoại cảnh, từ đó pháp trong ngoài làm nhân sinh quả như ngũ ấm chủng tử v.v... do hiện hành huân tập chủng tử, lại do chủng tử huân tập hiện hành, mà quả nhiễm tịnh theo đó liên tục sinh khởi chẳng dừng, nên gọi là Tương Tục nhân. Tướng nhân: Do cái đẳng vô gián duyên (duyên chẳng gián đoạn) làm ra tướng vô gián, sinh ra quả tương tục. Nơi tương tục có tướng vô gián đã lìa nơi nhân mà chưa đến nơi*

quả, vì nó chẳng gián đoạn cho nên tương tục. Vì ở nơi chính giữa của nhân và quả mà có tướng, nên gọi là Tướng nhân.Tác nhân: Tức là tăng thượng duyên, ấy là tạo nghiệp tăng thượng mà sinh ra quả, cũng như Chuyển Luân Vương, do thân thể chứng đắc Luân Vương làm bản nhân mà bánh xe Thất Bửu từ hư không bay đến, ấy là sự tăng thượng. Vì cảnh chẳng thể sinh quả, phải nhờ tâm làm tăng thượng, Luân Vương mới có thể làm ra thắng nhân. Vì tâm làm tăng thượng duyên cho cảnh (Bánh xe bay), nên gọi là Tác nhân. Hiển Thị Nhân: Sự vọng tưởng sinh rồi thì hiện cái tướng năng tác, sở tác, như cây đèn chiếu soi hiển thị sắc tướng… gọi là Hiển Thị Nhân. Đối Đãi Nhân: Là lúc pháp diệt thì sự tương tục đoạn đứt, mà ngay đó tính "chẳng vọng tướng" sinh khởi. Đại Huệ! Tự tướng vọng tưởng của phàm phu chẳng lần lượt sinh, chẳng cùng lúc sinh. Tại sao? Nếu cùng lúc sinh thì chẳng phân biệt được năng tác, sở tác, vì chẳng có tướng nhân. Nếu lần lượt sinh thì chẳng có tự tướng, cho nên chẳng thể có lần lượt sinh, như chẳng sinh con thì không được gọi là cha. Đại Huệ! Vì cha với con làm nhân đối đãi với nhau, không có cha thì không sinh được con, không có con thì không được gọi là cha; cha con đối đãi nhau mà sinh, nên gọi là Đối Đãi Nhân".

Qua đoạn kinh văn trên, có thể cảm nhận và rút ra một vài nhận định sơ quát về chữ "Duyên" như sau: (1) Chữ "Duyên" có phạm trù ý nghĩa rất bao quát, rộng lớn, bao trùm tất cả vũ trụ nhân sinh vì "Duyên" được Kinh phân định ra 2 loại chính là 1. Ngoại Duyên = bao gồm tất cả thế giới, cảnh vật bên ngoài, còn được gọi là "Khí Thế Gian"; và 2. Nội Duyên = bao gồm tất cả hành trạng hoạt động, chuyển biến từ thô đến tế của tâm thức bên trong cùng với các sắc thái và kết quả tương ưng; (2) Tất cả các Nội Duyên được Kinh khai thị là do khởi phát từ nơi Vô Minh Ái Nghiệp, nghĩa là có sự tương quan liên hệ và tương ưng mật thiết với các tâm sỡ phiền não trọng chướng của Duy Thức Học, trong đó đáng kể là 6 tâm sở Căn Bản Phiền Não : Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi, Ác Kiến; (3) Do từ nơi Vô Minh Ái Nghiệp này, các Nội Duyên lại có ra sự hòa hợp giữa các Duyên với nhau mà tác thành ra 2 bên là chủ thể Năng Tác và khách thể Sở Tác. Chủ thể Năng Tác chính là các tâm thức nhiễm ô, phiền não; khách thể Sở Tác chính là nơi chỗ bị tác động bởi tâm thức nhiễm ô, bao gồm các cảnh giới bên ngoài, có sự tồn tại độc lập với tâm thức này…; (4) Tất cả các pháp Năng Tác và Sở Tác này đều chỉ là do tự tâm sở hiện, vốn chỉ là các pháp hữu vi, như huyễn như mộng, không thật có và không có sai biệt, mà phàm phu lại có vọng chấp, thành thử có ra sự phân biệt sai khác nhau. Về chữ "Nhân", có thể xem "Nhân" có ý nghĩa là nguyên nhân của tất cả các yếu tố thành tạo nên vòng nhân quả luân hồi, đại cuộc sinh tử trong vô lượng kiếp sống xuống lên trong 3 cõi (Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới); và theo tinh thần của đoạn kinh Lăng Già nêu trên, có thể cảm nhận thêm là "Nhân" cũng chính là sự kết hợp mật thiết

giữa 2 loại Duyên (Ngoại Duyên và Nội Duyên) nêu trên. Do vậy, chữ "Nhân" được kinh trên phân định ra 6 loại; 6 loại này lược thể có thể được xem là có tương ưng rất khắn khít với Bát Thức Tâm Vương của Duy Thức Học như sau: 1. Đương Hữu Nhân = chính là A Lại Da thức, còn được gọi là Thức Thứ Tám (theo hạng số của Bát Thức Tâm Vương), Nhất Thiết Chủng thức (vì nó là kho tàng của tất cả chủng tử nghiệp thức), Dị Thục thức (vì nó là thức dẫn đưa đến luân hồi bất tận qua sự biến đổi (= Dị) và sự chín muồi (= Thục) của các chủng tử nghiệp thức); 2. Tương Tục Nhân = chính là 7 Chuyển Thức còn lại, tiếp theo A Lại Da thức; bắt đầu từ Mạt Na Thức đến Tiền Lục Thức (Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức, Ý thức). 7 thức này hành chuyển tương tục, không gián đoạn bắt đầu từ khi tâm thức bị động chuyển và lôi cuốn theo cảnh trần; trong đó chú trọng đến 2 thức có hoạt động tích cực rõ ràng nhất chính là A Lại Da thức và Ý Thức vì chúng có khả năng phan duyên vào cảnh trần bên ngoài mạnh mẽ nhất, thường trực nhất; 3. Tướng Nhân = chính là thành quả được sinh tạo ra từ nơi Tương Tục Nhân vừa được nêu: do nhờ vào 7 Chuyển Thức tương tục, thường hằng động chuyển nên đã khiến sinh tạo ra các tướng trạng nơi tâm thức được cảm nhận và tưởng chừng như liên tục, giống như một đốm lửa được quay nhanh thì trông giống như có một vòng lửa ...Đây là giai đoạn mà kinh Lăng Già khai thị là đã có Nhân mà chưa có Quả, chưa có đầy đủ toàn bộ Nhân Quả, nghiệp báo cho vòng sinh tử - luân hồi...; 4. Tác Nhân = còn được kinh Lăng Già gọi là Tăng Thượng Duyên, vì đây là duyên bắt đầu sinh tạo ra vọng tưởng*, nghiệp báo cho vòng sinh tử - luân hồi. Kinh khai thị là Tăng Thượng Duyên chỉ được sinh tạo ra từ nơi tâm thức Nội Duyên, không thể có từ cảnh trần Ngoại Duyên vì chính tâm thức mới có thể làm tăng thượng cho cảnh trần chứ không thể có ngược lại. Ví dụ như ở cùng một cảnh trần, người ưa và kẻ ghét cảnh trần sẽ không thể có cùng một cảm nhận giống như nhau về cảnh trần ...; 5.* Hiển Thị Nhân = là Nhân biểu hiện rõ ràng ra các tướng trạng, sắc thái sai biệt nơi Nội Duyên (chủ thể) và nơi Ngoại Duyên (khách thể).

Tướng trạng nơi Nội Duyên được gọi là Tướng Năng Tác, tướng chủ thể tác động; tướng trạng nơi Ngoại Duyên được gọi là Tướng Sở Tác, tướng khách thể bị ảnh hưởng bởi tác động từ Tướng Năng Tác. Theo Duy Thức Học, hai tướng này đều chỉ là do từ Duy Thức biến hiện như qua bài kệ tụng trong Duy Thức Tam Thập Tụng (tác giả: tổ Thế Thân (316-396), dịch giả Phạn -Hán: Tam Tạng pháp sư Đường Huyền Trang (602 - 664)):

"*Thị chư thức chuyển biến,*

Phân biệt sở phân biệt.

Do thử bỉ giai vô,

Cố nhất thiết Duy Thức"

Tạm dịch:

"*Đó là từ nơi các Thức chuyển biến*

mà có ra Năng Phân Biệt và Sở Phân Biệt

Do cả hai bên này-kia đều là Không

Nên tất cả sự vật đều là Duy Thức"

6. Đối Đãi Nhân = có ý nghĩa được cảm nhận là Nhân trái nghịch với tất cả 5 Nhân vừa nêu trên, 5 Nhân này đưa đến sự sinh khởi ra vọng tưởng; nên đây chính là Nhân của tính thể không vọng tưởng, là Nhân chỉ xuất hiện sau khi đã vắng bóng tất cả Đương Hữu Nhân, Tương Tục Nhân, Tướng Nhân, Tác Nhân, và Hiển Thị Nhân. Đây cũng chính là cảnh giới khi Ý Thức đã hoàn toàn không còn bị vướng chấp và bị lôi cuốn mà khởi lên phân biệt cảnh trần, mà kinh gọi là “lúc Pháp diệt”.
7.
8. Đây cũng là lúc tự tướng của Vọng Tưởng giả huyễn, không thật có, không phải là lần lượt sinh, không là cùng lúc sinh ...được bày hiện chơn thật.
9.
10. Có thể cảm nhận Đối Đãi Nhân chính là Nhân của tiến trình tu tập Giải Thoát, trái ngược với tất cả 5 Nhân trước là các Nhân của sự thọ nhận vòng luân hồi sinh tử bất tận. Đây cũng chính là cảnh giới tâm thức của các bậc từ giai vị Kiến Đạo trở lên, và do các Ngài đã Kiến Đạo, đã thấy rõ con đường Tu Đạo, nên các Ngài có thể vững chãi tu tập có hiệu quả để đạt đến Kiến tính mà thành Phật.
11.
12. Giai vị Kiến Đạo này tương ưng với thánh quả Tu Đà Hoàn (giai vị Sơ Quả của Tứ Quả Thanh Văn bên Thanh Văn thừa) hoặc tương ưng với thánh quả Hoan Hỷ Địa (giai vị Sơ Địa Bồ Tát của Thập Đăng Địa Bồ Tát bên Bồ Tát thừa) . Năm nhân còn lại của 6 nhân được đề cập nơi kinh Lăng Già được xem là các nhân nơi tâm thức phàm phu, còn bị bám chấp nơi các phiền não vọng tưởng mà trôi lăn vào vòng sinh tử luân hồi bất tận.
13.
14. Tất cả 6 Nhân này đã được đức Phật khai thị rõ và triển khai ra các chi tiết quan trọng nơi các kinh tạng Nguyên Thủy (kinh Nikaya và kinh A Hàm), trong đó kinh đặc biệt được chú trọng và phổ thông nhất chính là các kinh đức Phật tuyên thuyết về Thập Nhị Nhân Duyên, xâu chuỗi của 12 khoen nhân duyên móc kết khắn khít vào nhau khiến tạo ra vòng luân hồi sinh tử

liên tục và bất tận trong vô lượng kiếp sống từ vô thỉ với trùng trùng nhân phát sinh, trùng trùng duyên phát khởi và trùng trùng quả báo ứng cho tất cả các dạng loại chúng sinh trong Tam Giới.

Đơn cử nơi bộ kinh Tạp A Hàm (dịch giả Phạn – Hán: Ngài Tam Tạng Cầu Na Bạt Đà La (394-468); dịch giả Hán – Việt: Hòa Thượng Thích Đức Thắng (1947 -); hiệu đính & chú thích: Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ (1943-2023)), kinh Pháp Thuyết Nghĩa Thuyết, giáo pháp về Thập Nhị Nhân Duyên được đức Phật khai thị về ý nghĩa Thuyết Pháp và Thuyết Nghĩa của Pháp Duyên Khởi như sau: "*Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật ở tại xóm Điều ngưu, Câu-lưu-sưu. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: "Nay Ta sẽ thuyết pháp, thuyết nghĩa về pháp duyên khởi, các ông hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói. "Thế nào là thuyết pháp về pháp duyên khởi? Cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi. Tức là do duyên vô minh nên có hành... cho đến thuần một khối khổ lớn. Đó gọi là pháp thuyết về pháp duyên khởi. Thế nào là thuyết nghĩa? Tức là, duyên vô minh nên có hành. Thế nào là vô minh? Nếu chẳng biết tiền tế, chẳng biết hậu tế, chẳng biết cả tiền hậu tế; chẳng biết trong, chẳng biết ngoài, chẳng biết cả trong lẫn ngoài; chẳng biết nghiệp, chẳng biết báo, chẳng biết nghiệp báo; chẳng biết Phật, chẳng biết Pháp, chẳng biết Tăng; chẳng biết Khổ, chẳng biết Tập, chẳng biết Diệt, chẳng biết Đạo; chẳng biết nhân, chẳng biết pháp sinh khởi bởi nhân; chẳng biết thiện, bất thiện, có tội, không tội, tập, không tập; hoặc kém, hoặc hơn; nhiễm ô, hoặc thanh tịnh; phân biệt duyên khởi, tất cả đều chẳng biết; đối với sáu xúc nhập xứ không giác tri như thật, đối với các pháp này không thấy, không biết, không hiện quán, bị si ám, không có minh, tối mù mịt, đó gọi là Vô Minh. "Duyên vô minh nên có hành. Thế nào là hành? Hành gồm có thân hành, miệng hành, ý hành. "Duyên hành nên có thức. Thế nào là thức? Chỉ sáu thức thân: nhãn thức thân, nhĩ thức thân, tỹ thức thân, thiệt thức thân, thân thức thân, ý thức thân. "Duyên thức nên có danh sắc; thế nào là danh? Chỉ bốn ấm vô sắc: thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm, thức ấm. Thế nào là sắc? Chỉ bốn đại, sắc do bốn đại tạo thành. Sắc này hợp cùng với danh đã nói ở trên, gọi là danh sắc. "Duyên danh sắc nên có sáu nhập xứ". Thế nào là sáu nhập xứ? Sáu nội nhập xứ; nhãn nhập xứ, nhĩ, tỹ, thiệt, thân, ý nhập xứ. "Duyên sáu nhập xứ nên có xúc". Thế nào là xúc? Chỉ sáu xúc thân: nhãn xúc thân, nhĩ xúc thân, tỵ xúc thân, thiệt xúc thân, thân xúc thân, ý xúc thân. "Duyên xúc nên có thọ". Thế nào là thọ? Ba thọ: thọ khổ, thọ vui, thọ chẳng khổ chẳng vui. "Duyên thọ nên có ái". Thế nào là ái? Ba ái: dục ái, sắc ái, vô sắc ái. "Duyên ái nên có thủ". Thế nào là thủ? Bốn thủ: dục thủ, kiến thủ, giới thủ, ngã thủ. "Duyên vào thủ nên có hữu". Thế nào là hữu? Ba hữu: dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. "Duyên hữu nên có sinh". Thế nào là sinh? Nếu mỗi mỗi chúng sinh kia nơi mỗi mỗi chủng loại thân kia, siêu việt, hòa hợp, xuất sinh, được ấm, được giới,*

được nhập xứ, được mệnh căn. Đó gọi là sinh. "Duyên sinh nên có già chết". Thế nào là già? Như tóc bạc, đầu hói, da nhăn, các căn suy sụp, tay chân yếu ớt, lưng còm, đầu cúi, rên rỉ, hơi thở ngắn, mệt nhọc, chống gậy đi, thân thể đen sạm, tay chân nổ ban đốm, lú lẫn, làm việc gì cũng khó khăn, kém cỏi. Đó gọi là già. Thế nào là chết? Là mỗi mỗi chúng sinh kia nơi mỗi mỗi chủng loại thân kia chết đi, tuổi thọ chấm dứt, thân hoại, đổi dời, hơi ấm lìa thân, mệnh sống kết thúc, là đã đến lúc từ bỏ cái ấm thân. Đó gọi là chết. Chết này cùng già đã nói trước, gọi chung là già chết. Đó là thuyết nghĩa duyên khởi." Phật nói kinh này xong, các Tỳ kheo nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Hình minh họa. Nguồn: Internet

Qua bài kinh này, có thể rút ra các nhận định sau:

(1) Các nhân duyên biến hóa về Sinh Lão Bệnh Tử, về Có và Không … trong đời sống thường nhật là một tiến trình khách quan, thường hằng, tất yếu và tự nhiên cho toàn thể vũ trụ nhân sinh, cho tất cả các dạng loại sinh thể; tiến trình này lại có tính cách qui hồi viên mãn một cách cũng khách quan, thường hằng, tất yếu và tự nhiên khiến hình thành nên vòng sinh rồi tử, tử rồi sinh, chuyển lưu xoay vần bất tuyệt. Điều này đã được đức Phật nhấn mạnh nơi kinh Duyên Khởi Pháp như sau: ""*Pháp duyên khởi chẳng phải do Ta tạo ra, cũng chẳng phải do người khác tạo ra. Nhưng dù Như Lai có xuất hiện hay chưa xuất hiện ở thế gian thì pháp giới này vẫn thường trụ. Như Lai tự giác ngộ pháp này, thành Đẳng Chánh Giác, vì tất cả chúng sinh mà phân biệt, diễn nói, chỉ dạy hiển bày; đó là: "Do cái này có nên cái kia có, do cái này khởi nên cái kia khởi. Tức là do duyên vô minh nên có hành, … cho đến việc tụ tập thuần một khối khổ lớn. Do vô minh diệt nên hành cũng diệt,… cho đến việc thuần một khối khổ lớn tụ tập*

cũng bị diệt."

(2) Vòng tròn sinh tử, tử sinh này được giáo lý Thập Nhị Duyên Khởi biểu hiện qua vòng chuỗi có 12 khoen Nhân Duyên; 12 khoen Nhân Duyên này được đánh số và gọi tên tuần tự là: (1) Vô Minh, 2. Hành, 3.Thức, 4. Danh Sắc, 5. Lục Nhập, 6. Xúc, 7.Thọ, 8. Ái, 9. Thủ, 10. Hữu, 11. sinh, 12. Lão và Tử. Mỗi khoen của vòng chuỗi 12 Nhân Duyên vừa là Nhân phát sinh và là Duyên phát khởi cho khoen kế tiếp và mỗi khoen như vậy lại cũng chính là Quả Báo của khoen trước. Thí dụ: khoen Vô Minh vừa là Nhân, vừa là Duyên cho khoen Hành phát sinh và phát khởi; khoen Hành do đó chính lại là Quả Báo của khoen Vô Minh.

(3) Ý nghĩa mỗi khoen của chuỗi vòng 12 nhân duyên có thể được nhận định tổng quát như sau: 1) Vô Minh = Vô Minh được bài kinh định nghĩa là không thể như thật rõ biết, là không thể như thật giác tri về các đời sống ở kiếp trước (tiền tế), về đời sống ở kiếp sau (hậu tế); và là chẳng biết rõ về các Nội Duyên (biết trong), chẳng biết rõ về các Ngoại Duyên (biết ngoài), chẳng biết rõ cả các Nội Duyên lẫn các Ngoại Duyên (biết trong lẫn ngoài); chẳng biết rõ về sự sinh khởi của nghiệp, chẳng biết báo, chẳng biết nghiệp báo; chẳng biết về Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng); chẳng biết về Lý Tứ Đế (Khổ, Tập, Diệt, Đạo); chẳng biết về Nhân Quả,về Thiện Ác, về Nhiễm Tịnh, về Duyên Khởi, về 6 Xứ Xúc Nhập (xúc nhập do 6 Căn và 6 Trần hòa hợp, bao gồm Nhãn căn xúc nhập Sắc trần, Nhĩ căn xúc nhập Thanh trần, Tỷ căn xúc nhập Hương trần, Thiệt căn xúc nhập Vị trần, Thân căn xúc nhập Xúc trần, Ý căn xúc nhập Pháp trần)… Cảm nhận theo Duy Thức Học, có thể xem Vô Minh là trạng thái Bất Giác nơi tâm thức của chúng sinh; nó khiến chúng sinh lãng quên mất đi Giác tính bản hữu nên bị lôi cuốn, xoay cuồng theo sự vận hành của kho tàng chủng tử nghiệp thức. Kho tàng chủng tử này xuất khởi từ nơi A Lại Da thức sau đó được phát triển và hiển hiện ra khắp tám thức (Bát Thức Tâm Vương) để tạo ra các phân biệt, nhận biết, các tư tưởng, tình cảm...(Ý nghiệp), tạo ra tất cả các lời nói, ngôn ngữ (Khẩu nghiệp), và tạo ra tất cả hành động từ nơi thân thể (Thân nghiệp).

Tất cả các chúng sinh phàm phu và ngay cả các bậc Hiền cùng các bậc Thánh từ quả vị A Na Hàm (bậc Tam Quả của Thanh Văn thừa) trở xuống đều ít nhiều vẫn còn bị nghiệp thức chi phối.

Chỉ có các bậc Đại Thánh, từ giai vị A La Hán (bậc cao nhất của Thanh Văn thừa) hoặc Bồ Tát Bất Động Địa (giai vị Đệ Bát Địa của Thập Đăng Địa Bồ Tát bên Bồ Tát thừa)) trở lên mới không còn bị nghiệp thức dắt dẫn vào vòng luân hồi sinh tử, theo qui luật nhân quả nữa.

Đó là vì giai vị A La Hán được xem là đã xả bỏ sạch hết kho tàng chủng tử nghiệp nơi A Lại Da thức; nên các Ngài luôn sống với Giác tính hằng hữu, viên

mãn, thanh tịnh mà có thể tự nhận điều mà rất nhiều kinh sách Phật Đạo đã nhắc đến: "*Ta, sự sinh đã dứt, Phạm Hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sinh đời sau nữa*...". 2) Hành = Hành được xem là quả báo khổ đau đầu tiên có từ nhân Vô Minh sinh khởi, từ nơi Duyên "Vô Minh" phát khởi của vòng chuỗi Thập Nhị Nhân Duyên.

Đó chính là từ nơi nhân duyên Vô Minh mà có ra sự hành chuyển của tâm thức, bắt đầu từ kho tàng chủng tử nghiệp thức (A Lai Da thức) mà phát triển túa khắp ra Bát Thức Tâm Vương và toàn bộ Thân căn mà kết tạo ra 3 nghiệp căn bản (Thân nghiệp, Khẩu nghiệp, và Ý nghiệp) như đã nêu ở phần trên...3) Thức = Từ nhân duyên "Hành" mà có ra "Thức". Bài kinh xác định ý nghĩa của" Thức "chính là Tiền Lục Thức, thức Năng Biến thứ ba của Bát Thức Tâm Vương; 2 Thức Năng Biến còn lại chính là A Lại Da thức và Mạt Na thức. Tiền Lục Thức bao gồm Nhãn thức (thức nơi Nhãn Căn = Mắt), Nhĩ thức (thức nơi Nhĩ Căn = Tai), Tỷ thức (thức nơi Tỷ Căn = Mũi), Thiệt thức (thức nơi Thiệt căn = Lưỡi), Thân thức (thức nơi Thân căn = Thân), và Ý thức (thức nơi Ý căn, thông qua não bộ)... 4) Danh Sắc = Từ nhân duyên "Thức" mà có ra "Danh Sắc". "Danh Sắc" được bài kinh định nghĩa là Ngũ Uẩn, trong đó Sắc Uẩn chính là "Sắc" (vật chất) do tứ đại (Địa đại, Thủy đại, Hỏa đại, Phong đại) hòa nhập, hợp thành; 4 Uẩn vô sắc còn lại (Thọ Uẩn, Tưởng Uẩn, Hành Uẩn, Thức Uẩn) chính là "Danh". Danh Sắc cũng có thể được xem là các thành quả phát triển tâm thức có được sau khi đã có sự hòa nhập trên. Như thế, Lý Duyên Khởi nơi Thập Nhị Nhân Duyên đã minh định rõ Ngũ Uẩn ("Danh Sắc") có nhân duyên sinh khởi, phát khởi từ nơi Tiền Lục Thức nên Ngũ Uẩn cũng chính là kết quả sinh khởi từ nơi Tiền Lục Thức... 5) Lục Nhập = Lục Nhập được bài kinh định nghĩa là 6 Căn với ý nghĩa chữ "Căn" có thể được hiểu là nơi xuất phát, cội nguồn phát khởi, căn cứ địa ..., chữ "Căn" ở đây được Kinh gọi là Nội Nhập Xứ hay vắn tắt hơn, gọi là Nhập Xứ. Sáu Nhập Xứ như thế bao gồm Nhãn Nhập Xứ (= Nhãn căn tiếp nhận, hội nhập Sắc trần), Nhĩ Nhập Xứ (Nhĩ Căn tiếp nhận, hội nhập Thanh trần), Tỷ Nhập Xứ (Tỷ căn tiếp nhận, hội nhập Hương trần), Thiệt Nhập Xứ (Thiệt căn tiếp nhận, hội nhập Vị trần), Thân Nhập Xứ (Thân căn tiếp nhận, hội nhập Xúc trần), Ý Nhập Xứ (Ý căn tiếp nhận, hội nhập Pháp trần)... 6) Xúc: Xúc được kinh định nghĩa là 6 Xúc thân, 6 xúc chạm sơ khởi nơi 6 Căn, phát sinh từ khoen Lục Nhập vừa đề cập nơi chuổi 12 Nhân Duyên.

Trên bình diện Duy Thức Học, Xúc đã được xem là một dạng loại tâm sở, nhưng đây lại là loại tâm sở sơ đẳng, cơ bản nhất vì nó chính là một trong 5 tâm sở Biến Hành (Xúc, Tác Ý, Thọ, Tưởng, Tư) của tất cả 8 thức (Bát Thức Tâm Vương), và vì tâm sở Xúc cũng đã xuất hiện ngay từ nơi khởi nguồn của thức, nơi Thức Căn Bản là A Lại Da thức, rồi từ nơi A Lai Da thức, tâm sở Xúc mới tiếp tục được xuất sinh, xuất hiện ra nơi 7 thức còn lại...7) Thọ: Thọ được kinh đề cập đến là

3 cảm thọ chính; đó là :thọ Khổ, thọ Vui, và thọ Không Khổ, Không Vui. Trong đó có thể suy nhận là thọ Không Khổ Không Vui chính là Xả thọ, loại cảm thọ sâu sắc và thiện lành nhất trong các loại cảm thọ.

Thọ Khổ mà kinh đề cập được cảm nhận là có bao gồm cả thọ Ưu (nỗi niềm ưu tư, lo lắng theo Ái nghiệp) vì thọ Ưu làm tiền đề phát sinh cho Khổ thọ qua 3 dạng loại Khổ thọ chính là Khổ Khổ, Hoại Khổ, Hành Khổ hoặc với 8 loại Khổ thường được phân biệt là: Sinh, Lão, Bệnh, Tử, Ái Biệt Ly, Cầu Bất Đắc, Oán Tắng Hội, Ngũ Ấm Xí Thạnh. Thọ Vui bao gồm thọ Hỷ (niềm vui thô tháo, có tính cách chóng vánh, dễ được dễ mất, niềm vui còn bị dính chấp theo tham dục và 6 trần cảnh) và thọ Lạc (niềm vui vi tế, lâu bền của các bậc đã có gia công tu đạo và chứng đạo) ...8) Ái = Ái được kinh khai thị là sự ái luyến, tham chấp vào tam giới, 3 cõi của vòng sinh tử, luân hồi(Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới). Đó chính là loai tâm thức chỉ có xuất hiện sau giai đoạn đã hình thành ra 6 Căn và 3 Thọ; rồi từ nơi cảm thọ lại khiến phát sinh, phát triển ra sự ái luyến, tham chấp vào Tam Giới; sự ái luyến, tham chấp này bám dính, gắn chặt vào nơi sâu thẳm tận cùng của tâm thức chúng sinh. Đây lại thường chính là mấu chốt, nguyên nhân đưa đẩy khiến sinh tạo ra các dạng loại phiền não khác.

Ví như khi ta đã tham chấp, luyến ái (Tham) vào một sự vật nào đó mà ta lại bị người khác ngăn cản lại, sẽ khiến ta rất dễ nổi giận (Sân), tâm trí liền bị mờ mịt (Si), dù có ai khuyên nhủ, can ngăn mấy cũng không chịu nghe theo (Mạn).... Do vậy, trong Duy Thức Học, sự ái luyến, tham chấp có thể được xem là căn nguồn phát khởi chính yếu ra tất cả các loại tâm sở phiền não khác; bao gồm 6 tâm sở Phiền Não Căn Bản (Tham,Sân, Si, Mạn, Nghi, Ác Kiến), 8 Đại Tùy Phiền Não (Trạo Cử, Hôn Trầm, Bất Tín, Giải Đãi, Phóng Dật, Thất Niệm, Tán Loạn, Bất Chánh Tri), 2 Trung Tùy Phiền Não (Vô Tàm, Vô Quí), và 10 loại Tiểu Tùy Phiền Não (Phẫn, Hận, Phú, Não, Tật, Xan, Cuống, Xiễm, Hại, Kiêu)... 9)Thủ = Thủ được kinh định nghĩa là bốn thủ, bao gồm: Dục Thủ, Kiến Thủ, Giới Thủ, Ngã Thủ. Theo Duy Thức Học, có thể xem Dục Thủ chính là ý muốn khư khư chấp thủ các nổi niềm tham luyến, ái dục vừa có được ở khoen thứ 8 (“Ái’) của chuỗi Thập Nhị Nhân Duyên. Dục Thủ sau đó lại bị xiết buộc thêm ba lớp xiềng xích khác là Kiến Thủ, Giới Thủ, và Ngã Thủ; trong đó Kiến Thủ chính là sự chấp thủ nơi khả năng thấy- nghe- hay- biết (Kiến Văn Giác Tri) của Tiền Lục Thức, là cứ khư khư bám chặt lấy cảnh quan nhận biết được trong đời sống hàng ngày thông qua 6 Nội Nhập Xứ (6 căn thân tiếp xúc với 6 trần cảnh); Giới Thủ có thể được xem là sự chấp thủ cảnh giới có được từ Tam Hòa Hợp, sự hòa hợp từ 3 thành phần là 6 Căn thân, 6 Trần cảnh, và 6 Thức để tạo ra 18 Giới; Ngã Thủ là sự thủ chấp về Bản Ngã của chính mình, sự chấp thủ thẳm sâu nhất, bền chắc nhất vì nó có gốc rễ tiềm ẩn, nằm sâu trong Mạt Na thức....10) Hữu: Hữu được kinh định nghĩa là 3 cõi giới luân hồi, 3 quả báo Dị Thục của tất cả các loại hữu

tình chúng sinh. Đó là 3 cõi: Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới. Nếu phân định chi tiết hơn, 3 cõi giới này cũng chính là 25 cõi Hữu, gọi là Nhị Thập Ngũ Hữu, bao gồm: : 1. Địa Ngục hữu, 2. Ngạ Quỉ hữu, 3.Súc Sinh hữu, 4. A Tu La hữu. 5. Phất Bà Đề hữu (Đông Thắng Thần Châu), 6. Cù Da Ni hữu (Tây Ngưu Hóa Châu), 7. Uất Đơn Việt hữu (Bắc Câu Lưu Châu), 8. Diêm Phù Đề hữu (Nam Thiệm Bộ Châu), 9. Tứ Thiên Xứ hữu (cõi trời Tứ Thiên Vương). 10. Tam Thập Tam Thiên Xứ hữu (cõi trời Tam Thập Tam), 11. Diệm Ma Thiên hữu (cõi trời Diệm Ma), 12. Đâu Suất Thiên hữu (cõi trời Đâu Suất), 13. Hóa Lạc Thiên hữu (cõi trời Hóa Lạc), 14. Tha Hóa Tự Tại Thiên hữu (cõi trời Tha Hóa Tự Tại), 15. Sơ Thiền hữu (cõi trời Sơ Thiền, Sắc Giới), 16. Đại Phạm Thiên hữu (cõi trời Đại Phạm, thuộc Sơ Thiền, Sắc Giới), 17. Nhị Thiền hữu (bao gồm các cõi trời thuộc về Nhị Thiền), 18. Tam Thiền hữu (bao gồm các cõi trời thuộc về Tam Thiền), 19. Tứ Thiền hữu (bao gồm các cõi trời thuộc về Tứ Thiền), 20. Vô Tưởng hữu (cõi trời Vô Tưởng của các bậc A Na Hàm), 21. Tịnh Cư A Na Hàm hữu (cõi trời Tịnh Cư của các bậc A Na Hàm), 22. Không Xứ hữu (cõi trời Không Vô Biên Xứ của Tứ Thiền). 23. Thức Xứ hữu (cõi trời Thức Vô Biên Xứ của Tứ Thiền), 24. Bất Dụng Xứ hữu (cõi trời Vô Sở Hữu Xứ của Tứ Thiền), 25. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ hữu (cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Tứ Thiền). Như thế, số lượng cõi giới ("Hữu") luân hồi trong 6 đường (lục đạo) chúng sinh (Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh, A Tu La, Người, Trời) là: Ở 4 Đạo đầu (Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh, A Tu La), mỗi Đạo chỉ có 1 Hữu với tên gọi giống nhau giữa Đạo và Hữu; cõi Người có 4 Hữu là 4 châu (Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Bắc Câu Lưu Châu và Nam Thiệm Bộ Châu); còn lại 17 Hữu đều thuộc về các cõi trời nơi Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới... Nếu dựa trên Tam Giới, cũng có thể rút ra nhận định tổng kết là cõi Dục có 14 Hữu, cõi Sắc có 7 Hữu, và cõi Vô Sắc có 4 Hữu... 11) sinh: sinh được kinh định nghĩa là xuất sinh, là có được Mệnh Căn chính thức, cũng tức là đã có được thân căn và tâm thức hoàn chỉnh với đầy đủ 5 Uẩn, 12 Nhập Xứ , và 18 Giới... 12) Lão và Tử: Lão được kinh định nghĩa là tất cả các sự biến đổi đưa đến sự dần dà mất đi các khả năng trước đó vốn đã có nơi các cơ quan chức năng của thân căn; Tử được kinh định nghĩa là tuổi thọ chấm dứt khiến thân căn đến lúc bị hoại diệt, vì thân căn không còn có đủ sức chủ động điều tác nơi tứ đại nữa khiến tứ đại bị tan rã, đổi dời, (như hơi thở trở nên yếu ớt, như sức ấm nóng lìa thân...), và khiến mệnh sống kết thúc mà từ bỏ ấm thân.

(4) Vòng chuỗi 12 Nhân Duyên như thế có thể được cảm nhận chính là kiếp sống của một chúng sinh ở một cõi giới, vào một khoảng thời gian ngắn hay dài nào đó. Kiếp sống này trải qua 2 giai đoạn chính là giai đoạn phôi thai trong cơ thể mẹ, và giai đoạn xuất hiện, sinh sống nơi đời. Thời gian sinh sống (thọ mạng) nơi đời, lâu dài hay ngắn ngủi của mỗi dạng loại sinh thể không giống

nhau. Như thọ mạng của các loài phù du chỉ diễn ra trong vài giờ đến một tuần; của thỏ, chó, mèo chỉ khoảng mười mấy năm; của con người hiện nay khoảng bảy tám mươi năm... Đặc biệt tuổi thọ của các vị Trời được kinh sách mô tả là rất lâu dài, như tuổi thọ của chư Thiên nơi cõi Đao Lợi (Dục Giới) là một ngàn năm, với mỗi năm ở cõi trời này được xem dài tương đương với 100 năm của cõi nhân gian; như thế tuổi thọ nơi các cõi trời Sắc Giới và Vô Sắc Giới sẽ còn lâu dài hơn rất nhiều...

(5) Vòng chuỗi 12 Nhân Duyên cũng chính là vòng chuỗi tác động của các trạng thái tâm thức đối với một cảnh trần vào một mốc điểm thời gian nào đó; bắt đầu từ khoen 1 là khoen "Vô Minh" và kết thúc ở khoen 12 là khoen "Lão và Tử". Điều đặc sắc rất quan trọng là đến đây không phải là hoàn toàn chấm dứt, vì sau khoen "Lão và Tử" này, vòng chuỗi 12 Nhân Duyên liền được tiếp nối với một khoen Vô Minh khác được sinh khởi để bắt đầu lại toàn bộ một vòng chuỗi 12 Nhân Duyên mới . Cứ như thế vô lượng vòng chuỗi được tiếp nối nhau trong vô lượng kiếp sống, vô lượng dạng loại đời sống cứ lần lượt được sinh khởi, hình thành, phát triển với tưng bừng cành lá, hoa quả rồi lại chịu sự hoại diệt rồi biến mất, không lưu lại bất cứ vết tích xưa cũ nào; chỉ còn lại sự hiện hữu đó đây vô lượng năng lượng vi tế của trùng trùng nhân sinh khởi, trùng trùng duyên phát khởi, trùng trùng quả báo tựu thành, luân hồi nhân quả bất tận.

(6) Nếu xem vòng chuỗi 12 Nhân Duyên đơn lẻ chính là kiếp sống của một cá thể chúng sinh nào đó, ý nghĩa của mỗi khoen nhân duyên có thể được cảm nhận và phần nào sáng tỏ thêm một số điểm như sau: 1) Vô Minh: còn có thể được xem là trạng thái tâm thức chúng sinh sau khi chết, thân xác và não bộ đã bị hủy hoại, Ý Thức (Đệ Lục Thức) không còn có cơ sở để phát huy hoạt động và tác dụng nữa; nên khi đó, năng lực của Ý Thức bị thu rút trở vào Ý Căn là Mạt Na thức rồi cùng với A Lại Da thức phát sinh ra Thức Tái sinh (Thần Thức). Thức Tái sinh lúc này còn có tính cách mờ mịt, u mê do xa lìa Giác Thể nên vất vưởng, vô định, không có nơi chốn cố định cho đến khi tìm được nơi chốn hữu duyên nào đó để tái sinh.

Trạng thái Vô Minh nơi Thần Thức do đó chính là một tập hợp phức tạp của trạng thái Vô Thỉ Vô Minh (kho tàng chủng tử nghiệp thức phủ mờ, che khuất Giác thể) nơi A Lại Da thức cùng với trạng thái Vô Minh chấp Ngã (chấp giữ Nhị Thủ, Năng thủ và Sở thủ) nơi Mạt Na thức, và cả với Vô Minh chấp pháp (chấp thủ các thành quả có được từ nơi Kiến Văn Giác Tri tiếp nhận, phân biệt, thương ghét ..cảnh trần từ vô lượng kiếp sống đã có từ trước; còn được gọi là Nhất Niệm Vô Minh vì khi sống với kiến văn giác tri nơi Tiền Lục Thức thì mỗi niệm khởi, mỗi niệm diệt đều có mang bóng dáng của Vô Minh). Đây có thể cũng chính là ý nghĩa cho các điều đức Phật đã tuyên thuyết, khai thị về các đời sống ở kiếp

trước (tiền tế), về đời sống ở kiếp sau (hậu tế), về Hai Bên (bên trong, bên ngoài), về Nghiệp Báo ...trong bản Kinh. 2) Hai khoen kế tiếp là khoen Hành và khoen Thức: hai khoen này có thể được xem tương ưng với giai đoạn hình thành và xuất hiện của Mạt Na thức và Ý Thức để hoàn tất giai đoạn định hình cơ sở đầu tiên của toàn thể ba Thức Năng Biến đầy đủ. Như thế, khoen Hành có thể chính là giai đoạn tương ưng với lúc đậu thai của phôi bào, khi Mạt Na thức nơi Thức Tái sinh được máy động mà bắt đầu sinh khởi ra có hai bên năng sở Nhị Thủ (Năng Thủ và Sở Thủ), Nhị Thủ lại chuyển khởi để tạo ra công năng chấp Ngã và chấp Ngã Sở Hữu và cũng bắt đầu tiến trình sinh tạo ra thêm các Chuyển Thức khác (Tiền Lục Thức) với 3 loại hành nghiệp được bản Kinh đề cập. Khoen Thức được xem tương ưng với giai đoạn bắt đầu xuất hiện và phát triển của Tiền Lục Thức (Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức, Ý thức). Như thế, đến đây căn bản bước đầu của Bát Thức Tâm Vương đã được sinh khởi đầy đủ và sẵn sàng để phát triển rộng rãi, lớn mạnh lên nơi phôi thai.

Các điều này cũng đã được đề cập đến ít nhiều trong bản kinh. 3) Hai khoen kế tiếp là khoen Danh Sắc và khoen Lục Nhập: đây chính là 2 khoen về các thành quả kiến lập được từ nơi Bát Thức Tâm Vương vừa được phát khởi nơi phôi thai và khiến phôi thai nay dần dà được phát triển thành bào thai. Đó là sự khởi tạo ra khoen Danh Sắc (Ngũ Uẩn) trong đó Sắc chính là yếu tố vật chất, kết quả có được từ sự kết hợp, hòa nhập của noãn bào nơi người mẹ và tinh trùng nơi người cha . Rồi từ nơi Danh Sắc (phôi thai sơ khởi) này, 6 Thân Căn (Lục Nhập) sẽ dần dà được tạo thành nơi phôi thai, điều này cũng đã được đề cập đến trong bài kinh. 4) Ba khoen kế tiếp là Xúc, Thọ, Ái: là 3 khoen nói về tác động của tâm thức nơi bào thai vừa được phát triển, hình thành từ phôi thai, để sinh tạo ra các chủng loại tâm sở từ nhẹ nhàng, thoáng qua rồi mất (như tâm sở Xúc) đến các chủng loại tâm sở thô trọng, phiền não nặng trược cứ mãi ở lì trong tâm thức (như tâm sở Ái) nơi bào thai...5) Hai khoen kế tiếp là khoen Thủ và khoen Hữu: là 2 khoen tâm thức hoàn tất các chuẩn bị sau cùng để sẵn sàng đi tái sinh vào một đời sống mới, một cảnh giới mới; trong đó, Thủ chính là trạng thái tâm thức cứ bám víu, chấp thủ vào năng lực Kiến Văn Giác Tri nơi các cảnh giới nội tại và ngoại cảnh có được từ năng lực Kiến Văn Giác Tri của bào thai trong lòng người mẹ, Hữu chính là sự tựu thành cõi sống sắp đến đang được dần dà bày hiện ra trước mắt vì đó là 1 trong 25 cõi sống (nhị thập ngũ hữu) đã được đề cập ở phần trên...6) Hai khoen cuối là khoen Sinh và khoen Lão và Tử: đây là 2 khoen nói về sự sinh diệt, Sống - Chết, Có – Không của kiếp sống hiện tại nơi trần gian, dương thế. Do vậy, 2 khoen này cũng chính là sinh mệnh, là thọ mạng, là cuộc đời, của tất cả các cá thể dạng loại chúng sinh nơi cõi đời.

(7) Các nhận định được nêu bên trên lại khiến bật ra vài điều khá lý thú. Đó là: 1) Trong 12 Nhân Duyên của Lý Duyên Khởi, chỉ có nhân duyên đầu tiên (nhân

duyên Vô Minh) là nhấn mạnh đến tình trạng Bất Giác của thức Tái Sinh; có đến 9 Nhân Duyên (từ nhân duyên thứ 2 là Hành cho đến nhân duyên thứ 10 là Hữu) đều đề cập đến tác động của tâm thức vừa được phát khởi từ Thức Tái Sinh để đưa đến sự hình thành đầy đủ Bát Thức Tâm Vương cùng sự khởi sinh ra Ngũ Uẩn và 6 Căn thân, để từ đó bắt đầu có tác động hình thành nên các dạng loại tâm sở phiền não nơi bào thai; chỉ có 2 nhân duyên sau cùng, nhân duyên thứ 11 (nhân duyên Sinh) và nhân duyên thứ 12 (nhân duyên "Lão và Tử"), là có liên hệ mật thiết, trực tiếp đến đời sống hiện tại, quen thuộc hàng ngày. 2) Vòng chuỗi 12 nhân duyên như thế chính là tấm gương soi chiếu cho 12 giai đoạn từ Vô Minh đến Lão và Tử, 12 giai đoạn của một kiếp sống ở nơi phôi thai, nơi bào thai và nơi cuộc đời. Điều đặc sắc quan trong khác là vòng chuỗi 12 nhân duyên này cũng có thể hiện hữu ngay trong từng khoảnh khắc của đời sống thường nhật, ngay “bây giờ và nơi đây” của tất cả sinh mệnh.

Như mỗi khi chúng ta gặp gỡ, tiếp xúc với bất cứ sự vật, cảnh vật, hoàn cảnh, tình cảnh nào trong đời sống thường ngày, tâm thức chúng ta liền bị tác động bởi đầy đủ 12 nhân duyên: trước hết là tâm thức bị chao động (đây là Bất Giác Vô Minh sinh ra Hành chuyển) mà bắt đầu khởi lên nhận biết và phân biệt sự vật đó (đây là Hành khiến toàn bộ Tiền Lục Thức được khởi sinh và phát triển), rồi cả thân và tâm (Danh Sắc, ngũ uẩn) của chúng ta bắt đầu được khởi động khiến 6 Căn (Lục Nhập) được rộng mở để đón nhận, tiếp nhận sự vật; từ đây lại sẽ tuần tự có ra một loạt các dạng loại tâm sở, từ dạng loại tâm sở sơ đẳng nhất là tâm sở Xúc cho đến dạng loại tâm sở sâu xa nhất là tâm sở Ái (3 khoen Xúc – Thọ – Ái của 12 Nhân Duyên) mà khiến có chấp thủ, giữ gìn làm vốn sống cho riêng kiếp sống của mình (khoen Thủ) mà khiến tạo thành ra cảnh giới tái sinh (khoen Hữu) cho chính mình trong những kiếp sống mới... 3) Vòng chuỗi 12 nhân duyên cũng chính là tượng trưng cho vòng sinh tử luân hồi bất tận của tất cả các dạng loại chúng sinh phàm phu trong Tam Giới.

Nó giống như con đường đã được bày ra, đã được hoạch định sẵn từ trước bởi chính mỗi một chúng sinh; để mỗi chúng sinh, theo nghiệp lực của chính mình, cứ theo đó mà cất bước lầm lũi mà đi cho trọn hết hành trình; mà hành trình này vừa dứt lại tự động hiện khởi ra một hành trình khác, cứ thế tiếp tục không dừng nghỉ. Do khổ cảnh sinh tử luân hồi bất tận này, đức Phật đại từ đại bi, thương tưởng chúng sinh nên nơi giáo lý Duyên Khởi Thập Nhị Nhân Duyên này, đức Phật đã bi mẫn tuyên thuyết lý Duyên Khởi theo 2 chiều hướng đối ngược nhau.

Đó là lý Duyên Khởi được diễn biến theo 2 dòng: dòng lưu chuyển hướng vào sinh tử, luân hồi bất tận, được đức Phật gọi là “con đường sai”; và dòng hoàn diệt hướng về Giải Thoát, tịch diệt vĩnh hằng, được đức Phật gọi là “con đường

đúng".

Như ở phẩm Phật Đà, kinh Tạp A Hàm khai thị về tiến trình tập khởi và tiến trình đoạn diệt của 12 nhân duyên trong lý Duyên Khởi:" *Như vầy tôi nghe, một thời Thế Tôn ở thành Xá-vệ, trong vườn ông Cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói:" Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về lý Duyên Khởi. Các ông hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng". " Thưa vâng, bạch Thế Tôn", các Tỷ-kheo vâng đáp. Đức Phật giảng nói như sau: "Này các Tỷ-kheo, thế nào là lý Duyên Khởi? Này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên sinh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sinh; sinh duyên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được khởi lên. Như vậy toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là tập khởi. Nhưng do ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn nên hành diệt. Do hành diệt nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Dọ thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sinh diệt. Do sinh diệt nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là đoạn diệt. Thế Tôn nói như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy*". Điều này khiến tỏa sáng lên hỉnh ảnh của Lý Trung Đạo nơi Thập Nhị Nhân Duyên. Kinh A Chi La cũng minh thị thêm*: "Như Lai thuyết pháp lìa hai bên mà nói Trung Đạo; tức là do cái này có nên cái kia có, do cái này khởi nên cái kia khởi, nghĩa là duyên Vô Minh nên có Hành,… cho đến thuần một khối Khổ lớn. Nếu Vô Minh diệt thì Hành diệt,… cho đến thuần một khối Khổ lớn bị diệt*".

Kết quả diệt Khổ, kinh nghiệm Giải Thoát này theo Duy Thức Học bắt đầu được chứng thực nơi Thánh vị Kiến Đạo, tức là kể từ giai vị Nhập Lưu Tu Đà Hoàn (Sơ Quả bên Tứ Đế Thanh Văn thừa, tương đương với giai vị Sơ Địa Hoan Hỷ Địa Bồ Tát (của Thập Đăng Địa Bổ Tát bên Bồ Tát thừa) trở lên.

Các kinh luận nêu rõ các Thánh Quả, các kinh nghiệm giải thoát sinh tử này tùy theo căn cơ đốn tiệm và tùy theo phước duyên có đầy đủ hay không của từng chúng sinh tiếp nhận được; trong đó, điểm căn bản cần ghi nhận là cần nên gạt bỏ, xả bỏ tất cả 12 nhân duyên sinh tử; trong đó, ở những bước đầu có thể chú trọng đến các duyên thuộc về tình thức, các nội duyên trực tiếp dẫn dắt chúng sinh vào vòng sinh tử luân hồi như Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu…

Trong nhà Thiền có câu chuyện kể: "*Hòa Thượng Phá Táo Đọa (? - ?) ẩn cư ở núi Tung Nhạc, giữa thung lũng có một cái miếu, tiếng đồn là rất linh. Trong*

điện chỉ đặt một cái bếp, mọi người xa gần đến cúng tế không ngừng, giết hại sinh mạng rất nhiều. Một hôm, Sư dẫn thị giả đi vào miếu, cầm gậy gõ lên bếp ba cái, rồi nói: "Ôi! Bếp này chỉ là đất ngói hợp thành, thánh từ đâu đến, linh từ đâu lại mà giết hại sinh vật như thế?". Lại gõ thêm ba cái, bếp liền đổ bể. Trong chốc lát, có một người mặc áo xanh đội mũ cao, đến trước Sư làm lễ. Sư hỏi: "Ông là ai?"; vị ấy đáp: "Con là thần táo ở miếu này, từ lâu thọ nghiệp báo. Hôm nay nhờ Hòa Thượng nói pháp vô sinh, nên con được thoát khỏi chỗ này mà được sinh lên cõi trời, đặc biệt đến đây lễ tạ". Sư liền bảo: "Đó là do tính sẵn có của ông, chẳng phải do ta nói giúp". Vị thần lại làm lễ rồi biến mất. Sau đó, vị tăng thị giả thưa: "Chúng con từ lâu theo hầu Hòa Thượng mà chẳng được nghe chỉ dạy, thần táo được chỉ dạy pháp nào liền được sinh lên cõi trời?". Sư bảo: "Ta chỉ nói y là đất ngói hợp thành, chẳng riêng nói đạo lý gì với y". Vị tăng thị giả im lặng. Sư hỏi: "Hội chăng?". Tăng thưa: "Chẳng hội". Sư bảo: "tính sẵn có vì sao không hội?". Các vị tăng đi theo liền lễ bái Sư. Sư bảo: "Rớt rồi, rớt rồi! Bể rồi, bể rồi!...".

Đó cũng chính là khi các khoen nhân duyên bắt đầu lung lay, động chuyển để đưa đến sự rã rời, đoạn dứt của toàn thể vòng chuỗi; khi tâm thức được rọi sáng bởi mặt trời trí huệ qua nghe hiểu, nhận biết về "chỉ là đất ngói hợp thành" thì chỉ cần thêm một lời nhẹ nhàng "Rớt rồi…Bể rồi…", lướt mạ lên thêm một làn ánh sáng giải thoát từ nơi bản hữu sâu thẳm, thanh thoát như ánh trăng thu cũng đủ khiến cho tất cả bao nhiêu bếp lò sinh tử, bao nhiêu nhân duyên tụ họp từ thênh thang tứ đại và từ thẳm sâu vô lượng não phiền nơi các cõi trong vô lượng kiếp đời đều bị tắt ngúm và đổ sập vậy.

Tác giả: **Khánh Hoàng** - *Plano, 23 tháng 10 năm 2026*